

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư
Trang trại chăn nuôi lợn chất lượng cao (công suất 10.000 lợn sau cai
sữa/năm và 20.000 lợn thịt/năm) tại xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân
của Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Asean.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ
quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi
hành Luật BVMT;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 và Quyết định
điều chỉnh chủ trương số 2289/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Chủ tịch UBND
tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Trang trại chăn
nuôi lợn chất lượng cao tại xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá
của Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Asean;*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường (ĐTM) Trang trại chăn nuôi lợn chất lượng cao tại xã Thanh Sơn,
huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần đầu tư Quốc tế Asean;
nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được
chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 44/CV-ASEAN ngày 24/9/2020 của
Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Asean;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 965 /Tr-
STNMT ngày 28/9/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư
Trang trại chăn nuôi lợn chất lượng cao (công suất 10.000 lợn sau cai sữa/năm

và 20.000 lợn thịt/năm) của Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Asean (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.
3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Xuân, Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Asean và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày; nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 1,9 m³/ngày nguồn nước này chứa nhiều cặn lơ lửng, dầu mỡ...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng và xây dựng các công trình phục vụ chăn nuôi tại trang trại: Theo tính toán nồng độ bụi, khí thải tác động trong phạm vi khu đất dự án và dọc tuyến đường vận chuyển.

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 22kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm: Thực vật phát quang khoảng 28,5tấn; Đất bóc phong hóa, đất đào thừa có tổng khối lượng là 11.229 m³; Chất thải rắn từ quá trình xây dựng như cát, đất, bê tông, đá, bao bì ...khoảng 15,7tấn.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

+ Chất thải rắn nguy hại gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng phát sinh trong thi công khoảng 8,4 kg.

+ Chất thải lỏng nguy hại khoảng 30lít/tổng thời gian thi công chủ yếu là dầu máy.

* Giai đoạn vận hành:

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân tại trang trại: Lượng nước thải sinh hoạt: 2,4m³/ngày đêm; Trong đó nước tắm giặt: 1,2m³/ngày đêm; nước thải nhà bếp: 0,3m³/ngày đêm; nước thải vệ sinh: 0,9m³/ngày đêm;

- Nước thải chăn nuôi:

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh từ chuồng nuôi (khi dự án đi vào hoạt động ổn định) lượng nước thải phát sinh lớn nhất: 497 m³/ngày. đêm (Bao gồm nước tiểu của lợn, nước ép phân, nước vệ sinh chuồng nuôi và một phần phân thải...).

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải, mùi hôi vào môi trường xung quanh bao gồm: Mùi hôi từ chuồng nuôi; mùi, khí thải phát sinh từ kho chứa thức ăn; Khí thải phát sinh từ hầm biogas; Mùi, khí thải từ quá trình chứa và ủ phân; Bụi từ hoạt động vận chuyển con giống, thức ăn và sản phẩm; Khí thải từ khu vực xử lý nước thải và hồ thu phân; Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng. Khí thải có thành phần chủ yếu là CO, NO_x, SO₂; NH₃; H₂S;...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: 16kg/ngày;

- Chất thải rắn từ quá trình chăn nuôi:

+ Bao bì vỏ đựng thức ăn chăn nuôi, vỏ bao bì, chai lọ đựng hóa chất, thuốc thú y phát sinh hàng ngày khoảng 115kg/ngày;

+ Thức ăn rơi vãi ra chuồng nuôi: Lượng thức ăn thừa không nhiều khoảng 50kg/ngày;

+ Lượng phân lợn: Khối lượng phân khô sau máy ép phân khoảng: 4232kg/ngày;

+ Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải: 120m³/năm;

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại gồm: Bóng đèn neong bị vỡ, hỏng, bơm kim tiêm, vỏ thuốc, chất tẩy rửa... Khối lượng ước tính khoảng 10kg/tháng;

Chất thải lỏng nguy hại: Khối lượng dầu thải thay định kỳ (một năm thay 02 lần) ước khoảng 15 lít/lần

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

* Giai đoạn xây dựng

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

* *Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:* Thường xuyên nạo vét khơi thông cống rãnh để tránh ngập úng và ách tắc dòng chảy tại khu vực dự án với tần suất 3 tháng/lần; Thi công theo hình thức cuốn chiều để giảm thiểu xảy ra hiện tượng ngập cục bộ cũng như đất cát cuốn theo nước mưa vào nguồn tiếp nhận; Nhà thầu thi công cần phải thu dọn các chất rơi vãi trong khi san lấp, đào móng hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.

* *Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:* Đối với nước từ tắm rửa, giặt rũ có nồng độ các chất ô nhiễm không cao nên được thu gom vào rãnh thoát và thải trực tiếp vào khe cạn phía Đông Nam dự án.

- Đối với nước thải từ nhà vệ sinh có hàm lượng BOD₅, COD, N, P cao. Do đó, để xử lý nước thải từ quá trình vệ sinh của công nhân Công ty xây dựng 01 Nhà vệ sinh truyền thống để thu gom và xử lý nước thải cho công nhân. Đối với nước thải từ nhà ăn được thu gom vào bể tách dầu mỡ 1m³ gần tại khu lán trại để thu gom và xử lý lắng lọc nước thải từ nhà ăn trước khi thải ra môi trường;

* *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:*

Được thu gom bằng rãnh thu gom tạm thời định hướng dòng chảy về hố lắng có thể tích 6m³ để lắng cặn trước khi thải ra khe cạn phía Đông Nam dự án.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định, phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án, nguồn nước được lấy từ nước giếng khoan trong khu vực dự án. Tần suất phun tưới nước 02 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; Khu vực thi công được vây tường rào tôn cao 2,5m để giảm bụi phát tán ra môi trường xung quanh; Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

* *Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

- Chủ đầu tư trang bị 2 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 20 lít tại vị trí lán trại của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt. Sau đó sẽ hợp đồng với tổ môi trường địa phương thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày theo quy định.

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng*

- Đối với đất đào được sử dụng để tôn cao nền, san gạt tạo mặt bằng khu vực chân đồi trong khu vực dự án; đất, đá thải, gạch, ... được sử dụng để san gạt tại các vị trí trống; tiến hành lu lèn chặt để đảm bảo sự tiêu thoát nước tốt tại khu vực dự án.

- Đối với loại chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

* Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do đất đá thải từ quá trình bóc phong hóa, đào móng thi công các hạng mục công trình.

**Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do chất thải rắn từ quá trình phát quang thực vật.*

Để giảm thiểu ô nhiễm do sinh khối thực vật phát quang, trong đó: thân và cành cây keo có thể xuất bán cho nhà máy chế gỗ công nghiệp Thành Nam tại xã Xuân Bình, huyện Như Xuân; đối với các cành, lá, rễ cây được thu gom và hợp đồng với tổ môi trường tại địa phương vận chuyển đến bãi rác của xã Thanh Sơn;

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:

Đối với chất thải nguy hại dạng lỏng được thu gom vào thùng chứa có thể tích 50 lít có nắp đậy, dán nhãn đặt tại góc của kho chứa; đối với các chất thải rắn nguy hại như giẻ lau dính dầu được thu gom vào thùng phi có nắp đậy; dung tích 50 lít lưu giữ tại kho chứa có diện tích khoảng 3m² gần khu vực lán trại. Toàn bộ lượng chất thải nguy hại được hợp đồng với công ty CP Môi trường Nghi Sơn để xử lý theo quy định

*** Giai đoạn vận hành**

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:* Nước mưa được thu gom bằng hệ thống rãnh thoát nước có KT 0,3x0,4m; trên hệ thống thu gom bố trí các hố ga để lắng cặn vào hồ chứa trước khi thải ra môi trường bên ngoài; giải pháp thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt gồm có nước thải từ quá trình tắm giặt và nước thải từ quá trình vệ sinh. Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý như sau:

+ Đối với nước thải từ quá trình tắm, giặt được thu gom bằng các đường ống riêng sau đó xử lý cùng với hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.

+ Đối với nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom và xử lý qua bể tách dầu mỡ dẫn về hồ lắng số 3 trước khi về hệ thống XLNT tập trung để xử lý.

+ Đối với nước từ dội nhà vệ sinh tại các khu nhà được thu gom và xử lý qua hệ thống các bể tự hoại sau đó dẫn về hồ lắng số 3 và đưa vào hệ thống XLNT tập trung để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi:

Nước thải → Bể lắng → Máy ép phân → Biogas → Hồ điều hòa → Hồ lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung (800m³/ng.đêm) → Hồ chứa và Hồ nuôi cá → Một phần tưới cây và một phần tuần hoàn tái sử dụng.

Bảng tổng hợp chỉ tiêu kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên công trình	Số lượng	Thể tích xây dựng theo phương án đầu tư xây dựng (m³)	Kết cấu công trình
1	Hồ lắng phân	01	60	Xây gạch
2	Biogas 1	01	22.500	Phủ bạt, có lót đáy và thành kè đá hộc
3	Biogas 2	01	22.500	Phủ bạt, có lót đáy và thành kè đá hộc
4	Hồ điều hòa	01	27.000	Đáy có lớp chống thấm, kè đá hộc xung quanh
5	Hồ lắng	03	81.000	Đáy có lớp chống thấm, kè đá hộc xung quanh
6	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	01	571 m ²	Đáy có lớp chống thấm, tường gạch chỉ đặc
7	Hồ chứa	01	48.000	Phủ bạt, có lót đáy và thành kè đá hộc
8	Hồ nuôi cá kết hợp hồ sự cố	01	33.600	Đáy có lớp chống thấm, thành kè đá hộc

- Nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Đối với khí thải từ chuồng nuôi:

+ Sau mỗi ô chuồng nuôi bố trí một buồng xử lý mùi hôi, khí thải. Bên trong buồng xử lý khí thải lắp đặt hệ thống dàn phun mưa bằng các ống nhựa

PVC đường kính 21mm cách 0,4m đặt một ống có đục lỗ để dung dịch phun qua các lỗ tạo thành các hạt sương; quá trình di chuyển chúng sẽ hấp thụ các khí thải phát sinh từ chuồng nuôi (dung dịch hấp thụ là dung dịch có chứa chế phẩm EM); phía cuối buồng xử lý có quạt hút để hút mùi, khí thải ra môi trường; Trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng nuôi, khu vực xử lý khí thải và khu vực đất còn trống của trang trại để tạo bóng mát, điều hòa không khí, đồng thời hạn chế mùi phát tán ra ngoài môi trường; Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải tránh ứ đọng trong chuồng nuôi với tần suất 2 lần/ngày.

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng nuôi, khu vực xử lý khí và khu vực đất còn trống của trang trại để tạo bóng mát, điều hòa không khí, đồng thời hạn chế mùi phát tán ra ngoài môi trường.

- Đối với khí sinh học: Trang trại đã đầu tư hệ thống thu gom khí thải sinh học và bộ lọc xử lý khí thải H_2S . Trang bị máy phát điện với công suất 100kVA; Công suất của máy phát điện dự phòng đảm bảo đủ công suất để sử dụng toàn bộ lượng khí thải từ hệ thống Biogas tại trang trại.

- Đối với khí thải từ khu xử lý chất thải: Phân sau ép được phun chế phẩm EM sau đó đóng bao và chuyển vào khu ủ hoặc cho Nhà máy phân bón hữu cơ; Phun chế phẩm EM để khử mùi xung quanh khu ủ phân, hệ thống xử nước thải; Hệ thống xử lý chất thải phải được xây dựng kiên cố và đủ công suất để xử lý; Định kỳ hút bùn cặn trong hầm Biogas và ao sinh học để đảm bảo dung tích chứa và xử lý nước thải.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn như: cơm, thực phẩm thừa, rau... được thu gom riêng và tận dụng làm thức ăn cho các ao nuôi cá trong khu vực. Đối với các loại chất thải rắn có thể tái chế như: thủy tinh, nhựa, nilon, vỏ đồ hộp, ... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn. Đối với các loại chất thải rắn không thể tái chế được thu gom riêng và hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom, xử lý.

- Đối với chất thải rắn trong hoạt động chăn nuôi: Đối với bao bì thức ăn được tận dụng làm bao chứa phân; Chai lọ đựng hóa chất khử trùng; thuốc thú y được thu gom về kho chứa sau đó trả lại cho Công ty cung cấp; Đối với thức ăn rơi vãi ra nền chuồng được thu gom làm thức ăn cho cá tại ao sinh học của trang trại;

+ Đối với phân lợn: được thu gom vận chuyển đến máy ép để tách nước nhằm giảm thể tích khu chứa và ủ phân; Phân sau khi ép tách nước sẽ được phun chế phẩm sinh học EM đóng bao và được chuyển về 2 kho chứa phân; Phân sau khi ủ tại kho chứa một phần được sử dụng để bón cho cây trồng trong trang trại; phần còn lại được xuất bán cho nhà máy phân bón trên địa bàn tỉnh;

+ Đối với lợn ốm chết: Trường hợp lợn ốm chết hoặc dịch bệnh xảy ra chủ trang trại phải báo ngay cho đơn vị cung cấp giống và kỹ thuật và các

ngành chức năng tại địa phương và các cấp các ngành có liên quan. Trang trại bố trí khu vực Nhà hủy xác để xử lý lợn dịch bệnh hoặc lợn chết;

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, tiêm phòng dịch bệnh, vỏ chai chứa thuốc tiêm phòng...) khoảng 5kg/tháng; được công nhân trong trang trại thu gom vào các thùng chứa đặt trong kho của trang trại. Công ty trang bị 2 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng ($0,05 \text{ m}^3$) để thu gom chất thải nguy hại theo từng chủng loại có dán nhãn mác đúng quy định đặt tại góc kho chứa có diện tích 3m^2 . Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO_2 , NO_2 , CO.

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.

+ K1: Tại cổng ra vào trang trại giáp tuyến đường liên thôn phía Nam dự án

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

b. Giám sát chất lượng nước thải:

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD_5 , COD, dầu mỡ khoáng, NH_4^+ theo N, hàm lượng As, Hàm lượng Pb, Coliform, E. Coli.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước sinh hoạt sau xử lý.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

a. Môi trường không khí:

+ Chỉ tiêu vi khí hậu: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn.

+ Chất lượng không khí: bụi, NH_3 , H_2S , CH_4 .

- Chỉ tiêu so sánh:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Vị trí giám sát:*

+ 01 điểm: Sau hệ thống xử lý khí thải khu chuồng nuôi lợn con sau cai sữa.

+ 01 điểm: Sau hệ thống xử lý khí thải khu chuồng nuôi lợn thịt.

+ 01 điểm: Tại khu vực xử lý nước thải của Trang trại.

b. Môi trường nước thải:

* *Giám sát định kỳ:*

- *Thông số giám sát:* pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng N; Tổng P, Coliform, E coli; Samonela.

QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Vị trí giám sát:*

+ NT: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý tập trung và nước thải tại hồ nuôi cá trước khi tuần hoàn tái sử dụng./.